

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 103 /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng  
sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Xét Tờ trình số 2263/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để thực hiện 12 công trình, dự án với tổng diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng là 491.459,8m<sup>2</sup>, gồm: 18.173,1m<sup>2</sup> rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ, 57.221,6 m<sup>2</sup> rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất và 416.065,1 m<sup>2</sup> rừng ngoài quy hoạch (theo quy hoạch 3 loại rừng).

*(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình, Đài PT-TH Quảng Bình,
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



**Trần Hải Châu**

**Phụ lục: DANH MỤC 12 CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC**  
(Kèm theo Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)



TT	Tên công trình, dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng	Tổng diện tích thực hiện (m <sup>2</sup> )	Diện tích có rừng trồng chuyên mục đích sử dụng	Diện tích, loại rừng (m <sup>2</sup> )			Diện tích không có rừng	Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
					Theo Quy hoạch 3 loại rừng hiện hành (Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình)				
					Rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch		
<b>Tổng cộng</b>			<b>678.762,3</b>	<b>491.459,8</b>	<b>18.173,1</b>	<b>57.221,6</b>	<b>416.065,1</b>	<b>187.302,5</b>	
1	Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng Khu Công nghiệp Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Ban Quản lý Khu kinh tế	314.640,7	216.762,2			216.762,2	97.878,5	Khoảnh 1- Tiểu khu 352B, khoảnh 1- Tiểu khu 352C phường Bắc Lý và khoảnh 3- Tiểu khu 352A xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới.
2	Tổ hợp khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê Green Diamond tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	13.523,0	12.064,4		8.371,6	3.692,8	1.458,6	Khoảnh 1 - Tiểu khu 359, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới.
3	Cửa hàng xăng dầu Bảo Ninh	Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	4.600,0	4.264,8			4.264,8	335,2	Khoảnh 1 - Tiểu khu 359, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới.
4	Khách sạn, nghỉ dưỡng tại thôn Trung Bình, xã Bảo Ninh	Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	2.488,8	1.312,3			1.312,3	1.176,5	Khoảnh 1 - Tiểu khu 359, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới.
5	Nhà hàng, khách sạn nghỉ dưỡng tại xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới	Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	940,0	940,0			940,0		Khoảnh 2 - Tiểu khu 353A, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới.
6	Khách sạn Hoàng Linh Sơn tại xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới	Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	3.163,7	3.018,0			3.018,0	145,7	Khoảnh 3 - Tiểu khu 353A, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới.
7	Khu dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng tại xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới	Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	33.904,3	31.316,0		15.420,0	15.896,0	2.588,3	Khoảnh 1 - Tiểu khu 353A, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới.

TT	Tên công trình, dự án	Cơ quan/đơn vị đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng	Tổng diện tích thực hiện (m <sup>2</sup> )	Diện tích, loại rừng (m <sup>2</sup> )				Diện tích không có rừng	Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
				Diện tích có rừng trồng chuyển mục đích sử dụng	Theo Quy hoạch 3 loại rừng hiện hành (Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình)				
					Rừng thuộc quy hoạch là rừng phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch là rừng sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch		
8	Khu du lịch nghỉ dưỡng Thành Hà - Đá Nhảy (giai đoạn 1)	Công ty cổ phần Việt Thiên Bình	116.729,1	105.256,9	8.473,1		96.783,8	11.472,2	Khoảnh 1- NTK (ngoài giải thửa tiểu khu), xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch
9	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng cụm tiểu thủ công nghiệp Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa	Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hóa	25.335,3	16.444,7			16.444,7	8.890,6	Khoảnh 1- NTK (ngoài giải thửa tiểu khu), xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa
10	Hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật cụm tiểu thủ công nghiệp Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa	Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hóa	87.368,4	40.816,2			40.816,2	46.552,2	Khoảnh 1- NTK (ngoài giải thửa tiểu khu), xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa
11	Đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ khu Quân sự	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình	60.340,0	49.050,0	9.700,0	33.430,0	5.920,0	11.290,0	Khoảnh 2, 4 - Tiểu khu 434B, xã Ngư Thủy; Khoảnh 6 - Tiểu khu 434C, xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy
12	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Du lịch Tuấn Phát	15.729,0	10.214,3			10.214,3	5.514,7	Khoảnh 1 - Tiểu khu 261C, xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới.